| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN B**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **321**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2023
*V/v*: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Dương Thị Sen**

*Các Hội thẩm nhân dân*: **1.** Ông **Phạm Bá Xuân**

**2.** Bà **Phạm Thị Kim Dung**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phạm Quang Huy** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HPT ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị T**, sinh năm 1986; HKTT: Số 37, ngõ V, phường H, quận Đ, thành phố H; Nơi ở: Số 42 ngách 141/2 đường N, phường Đ, quận B, thành phố H. Chị T có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn Q,** Sinh năm 1980; HKTT: Tổ 1 đường 5/1 H, phường H, tỉnh Hải Phòng; Nơi ở: Số 42 ngách 141/2 đường N, phường Đ, quận B, thành phố H. Anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Lưu Thị T trình bày***:

**- Về tình cảm:** Chị và anh Nguyễn Tuấn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố H ngày 17/3/2010, số 38, quyển số I.

Quá trình chung sống, anh, chị sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh Q chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Thời gian mới kết hôn thì anh Q có chơi

cờ bạc nên không có tiền đóng góp cho chị nuôi con. Chị có biết và cũng đã tha thứ nhiều lần cho anh Q nhưng anh Q không thay đổi. Khoảng năm 2020, anh Q mới nói với chị là anh Q đã vay nợ lãi ngoài xã hội rất nhiều và không thể trả nợ. Chị đã phải thế chấp nhà ở Ngân hàng để vay 1 tỷ đồng tiền trả nợ cho anh Q. Sau đó, chị lại tha thứ cho anh Q nhưng anh Q vẫn chơi bời, cờ bạc và tiếp tục nợ nần thêm dẫn đến chị không thể có khả năng và phải bán nhà đi để trả nợ cho anh Q. Giữa năm 2022, sau khi bán nhà chị và anh Q phải đi thuê nhà để ở. Anh Q đã rất nhiều lần xin lỗi và hứa sẽ thay đổi không chơi cờ bạc nữa. Nhưng sau đó, anh Q vẫn không thay đổi mà còn chơi cờ bạc nhiều hơn.

Nay chị cảm thấy cuộc sống quá mệt mỏi, không thể cố gắng hơn được nữa. Chị xác nhận không còn tình cảm với anh Q, khả năng đoàn tụ là không có nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

**- Về con chung:** Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo P, sinh ngày 20/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 20/12/2012. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Vài tháng trở lại đây, anh Q không đóng góp cho chị nuôi con. Hiện nay thu nhập của chị khoảng 20.000.000đồng/tháng.

**- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Chị và anh Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về nợ:** Chị và anh Q không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 29/3/2023, và ngày 18/4/2023 cháu Nguyễn Bảo C và cháu Nguyễn Bảo P (là con gái của anh Nguyễn Tuấn Q và chị Lưu Thị T) cùng có nguyện vọng xin được ở với chị T.

Tại biên bản ghi ý kiến của bà Trần Thị Minh H- đại diện tổ dân phố cung cấp: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Tuấn Q cùng trú tại số Số 42 ngách 141/2 đường N, phường Đ, quận B, thành phố H. Quá trình chung sống tại địa phương giữa chị T và anh Q có mâu thuẫn hay không thì bà không nắm được vì anh chị mới chuyển đến sinh sống. Anh Q và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo P và cháu Nguyễn Bảo C. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: bà không nắm được. Về việc chị T có đơn xin ly hôn anh Q, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2023, ông Lưu Thế H (bố đẻ của chị Lưu Thị T) trình bày: Con gái ông là chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Tuấn Q kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị T và anh Q sống ở nhiều nơi, đến tháng 9 năm 2022, chị T và anh Q mới chuyển về sống tại số 42 ngách 141/2 đường N, phường Đ, quận B, thành phố H và ở ổn định cho đến nay. Quá trình chung sống, ông không ở cùng chị T và anh Q nên mâu thuẫn cụ thể ông không nắm được. Tuy nhiên, ông biết rõ anh Q chơi bời cờ bạc nhiều dẫn đến nợ nần nhiều người. Có lần vì nợ nhiều mà vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Ông có chứng kiến 1 lần anh Q đánh đập chị T. Vì nợ nần nhiều mà chị T và anh Q phải bán nhà đi trả nợ dẫn đến việc phải đi thuê nhà để ở. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Q ông và gia đình có biết. Ông có hòa giải nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T và giải quyết cho chị T ly hôn anh Q để chị T ổn định tâm lý, làm việc nuôi dạy con cái nên người.

- Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là: Nguyễn Bảo P, sinh ngày 20/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 20/12/2012. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Nếu chị T được nuôi cả hai con, ông sẽ hỗ trợ cho chị T về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nếu chị T cần hỗ trợ về nơi ở ông cũng sẽ hỗ trợ cho chị T nơi ở để nuôi dưỡng các cháu.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn Q; về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo P, sinh ngày 20/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 20/12/2012 cho chị T trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung và tiền cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lưu Thị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Tuấn Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Tuấn Q là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại: Số 42 ngách 141/2 đường N, phường Đ, quận B, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn Q không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Q theo quy định của pháp luật nhưng anh Q vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q .

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ và các chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Tuấn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố H ngày 17/3/2010, số 38, quyển số I. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh Q không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Tuấn Q đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo P, sinh ngày 20/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 20/12/2012. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị xác nhận hiện nay thu nhập của chị khoảng 20.000.000đồng/tháng, có sao kê tài khoản Ngân hàng TMCP A của chị thể hiện tiền lương hàng tháng công ty trả qua tài khoản. Anh Q không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 29/3/2023, cháu Nguyễn Bảo C (là con gái của anh Nguyễn Tuấn Q và chị Lưu Thị T) có nguyện vọng xin được ở với chị T.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 18/4/2023, cháu Nguyễn Bảo P (là con trai của anh Nguyễn Tuấn Q và chị Lưu Thị T) có nguyện vọng xin được ở với chị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T có đủ điều kiện kinh tế và điều kiện về nơi ở để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Nguyện vọng của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo C và cháu Nguyễn Bảo P, không làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của các con chung nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Bảo C và cháu Nguyễn Bảo P cho chị Lưu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của chị T, anh Q .

- Về các khoản nợ: Chị T xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn Q.

3. Về việc nuôi con chung: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Tuấn Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo P, sinh ngày 20/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 20/12/2012.

Giao cháu Nguyễn Bảo P và cháu Nguyễn Bảo C cho chị Lưu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tuấn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho chị T bằng vụ kiện dân sự khác nếu chị T có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các khoản nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Thúy đã nộp theo biên lai thu số 0007550 ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lưu Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Sen**

**Nơi nhận:**
*- TAND TP. H;*
*- VKSND quận B;*
*- Chi Cục THA dân sự quận B;*
*- UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**Nơi nhận:**
- *TAND TP. H;*
- *VKSND quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Sen**

**Nơi nhận:**
- *TAND TP. H;*
- *VKSND quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Sen**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Dương Thị Sen**